CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
EASTSPRING INVESTMENTS

Số: 115/EIFMC/2026
V/v: Báo cáo hoạt động Quỹ EVESG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------***----------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/10/2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý III Năm 2026)

(Theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu Tư trong dài hạn thông qua một danh mục đầu tư đa dạng vào các công ty có triển vọng tăng trưởng bền vững với mô hình kinh doanh phù hợp và có nỗ lực cải thiện các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (Environmental – Social – Governance; viết tắt là ESG)

2. Hiệu quả hoạt động:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã tăng 47,10% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Chiến lược đầu tư:

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp việc phân tích, đánh giá tình hình các yếu tố kinh tế vĩ mô (top-down approach) và phân tích chuyên sâu tình hình hoạt động, triển vọng tăng trưởng của các công ty (bottom-up approach). Quỹ tập trung đầu tư chủ yếu vào các công ty niêm yết hoạt động tại nhiều ngành nghề khác nhau, có triển vọng tăng trưởng bền vững và có nền tảng tài chính vững chắc. Bên cạnh đó, Quỹ còn tích hợp thêm việc phân tích, đánh giá các yếu tố liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình ra quyết định đầu tư. Quỹ tin rằng một công ty có chính sách quản trị rủi ro và nắm bắt cơ hội có liên quan đến ESG sẽ tạo ra giá trị dài hạn cho doanh nghiệp, từ đó mang lại lợi nhuận bền vững cho Nhà Đầu Tư.

Quỹ có cơ cấu phân bổ tài sản mục tiêu như sau:

- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán: từ 80% tới 100%
- Các tài sản được phép đầu tư khác: từ 0% tới 20%

Cơ cấu phân bổ tài sản mục tiêu này mang tính định hướng. Trong thực tế, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường, cơ cấu phân bổ tài sản của Quỹ có thể thay đổi mà không vi phạm các hạn chế đầu tư.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

5. Thời điểm bắt đầu hoạt động:

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 187/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024.

6. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026:

• Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:	208.375.246,28	chứng chỉ quỹ
• Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá:	2.083.752.462.800	đồng
• Tổng giá trị tài sản ròng:	2.544.436.685.257	đồng

7. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

8. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	30/09/2026	30/09/2025
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,38%	3,87%
Các khoản đầu tư	95,05%	95,36%
Các khoản phải thu	0,57%	0,77%
Cộng	**100,00%**	**100,00%**

Ghi chú: Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 13 tháng 11 năm 2024.

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025
2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	2.544.436.685.257	1.696.920.866.865
2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ-CCQ)	208.375.246,28	140.471.345,31
2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ (VND)	12.211	12.080
2.4.Giá trị tài sản ròng/CCQ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND)	12.762	12.668
2.5.Giá trị tài sản ròng/CCQ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND)	11.541	10.475
2.9.Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/CCQ so với cùng kỳ năm trước (%)	1,08%	-
2.13.Chi phí hoạt động của quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	1,61%	1,62%
2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (%)	67,68%	65,79%

Ghi chú: Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 13 tháng 11 năm 2024.

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm
- 1 năm	1,08%	1,08%
- 3 năm (*)	-	-
- 5 năm (*)	-	-
- Từ khi thành lập	22,11%	11,21%

(*): Không có dữ liệu do Quỹ hoạt động dưới 1 năm.

Ghi chú: Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 13 tháng 11 năm 2024.

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	30/09/2026 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	1,08%

Ghi chú: Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 13 tháng 11 năm 2024.

III. Mô tả thị trường

Động lực tăng trưởng tăng mạnh, dẫn dắt bởi sản xuất và đầu tư

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam tăng tốc mạnh trong quý 3/2026, với GDP tăng 9,95% so với cùng kỳ, đưa mức tăng trưởng 9 tháng năm 2026 lên 9,01% so với cùng kỳ. Tăng trưởng diễn ra trên diện rộng, nhưng được dẫn dắt bởi khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 12,5% so với cùng kỳ trong quý 3 và đóng góp gần một nửa vào tăng trưởng GDP chung trong 9 tháng.

Ngành sản xuất chế biến, chế tạo ghi nhận mức tăng trưởng đặc biệt mạnh, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của ngành tăng 4,3% so với tháng trước và 17,1% so với cùng kỳ trong tháng 9, đưa mức tăng trưởng 9 tháng lên 12,9% so với cùng kỳ. Tất cả các phân ngành sản xuất chế biến, chế tạo đều ghi nhận tăng trưởng trong 9 tháng năm 2026, trong đó khoảng hai phần ba đạt mức tăng trưởng hai chữ số. PMI tiếp tục duy trì trong vùng mở rộng ở mức 51,9, mặc dù giảm từ 53,3 trong tháng 8, khi nhu cầu trong nước mạnh hơn và số lượng đơn hàng mới gia tăng hỗ trợ hoạt động sản xuất, trong khi đơn hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp.

Đầu tư công tiếp tục tạo thêm động lực tăng trưởng đáng kể: giá trị giải ngân trong tháng 9 đạt 142,9 nghìn tỷ đồng, mức cao thứ hai theo tháng kể từ đầu năm, đưa tổng giá trị giải ngân 9 tháng lên 657,5 nghìn tỷ đồng, tăng 49,3% so với cùng kỳ và tương đương 58,7% kế hoạch năm.

Tiêu dùng trong nước duy trì khả năng chống chịu, trong khi áp lực lạm phát gia tăng

Hoạt động tiêu dùng tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng, với tổng mức bán lẻ tăng 14,1% so với cùng kỳ trong tháng 9 và tăng 13,4% so với cùng kỳ trong 9 tháng năm 2026. Tiêu dùng được hỗ trợ bởi lượng khách quốc tế tăng mạnh, hoạt động lưu trú và ăn uống sôi động, dịch vụ du lịch và doanh số bán lẻ hàng hóa duy trì tích cực.

Đồng thời, lạm phát tăng tốc, với CPI tăng 0,62% so với tháng trước và 5,08% so với cùng kỳ trong tháng 9, đưa lạm phát bình quân 9 tháng lên 4,52% so với cùng kỳ. Mức tăng chủ yếu đến từ chi phí giao thông, đặc biệt là giá xăng trong nước tăng, trong khi chi phí giáo dục cũng tăng do một số cơ sở giáo dục tư thục tăng học phí.

Dòng chảy thương mại và FDI mạnh mẽ củng cố hoạt động kinh tế đối ngoại, bất chấp thâm hụt thương mại trong 9 tháng

Hoạt động kinh tế đối ngoại duy trì tích cực trong tháng 9. Xuất khẩu tăng 39,1% so với cùng kỳ, đạt mức kỷ lục 59,5 tỷ USD, trong khi nhập khẩu tăng nhanh hơn, ở mức 45,8% so với cùng kỳ, lên mức kỷ lục 58,2 tỷ USD, qua đó ghi nhận thặng dư thương mại 1,3 tỷ USD, mức thặng dư theo tháng đầu tiên trong mười tháng.

Trong 9 tháng năm 2026, xuất khẩu đạt 434,3 tỷ USD (+24,5% so với cùng kỳ), được hỗ trợ bởi tăng trưởng mạnh ở các nhóm máy tính và hàng điện tử, máy móc và thiết bị, điện thoại và linh kiện. Nhập khẩu đạt 453,7 tỷ USD (+36,7% so với cùng kỳ), đưa thâm hụt thương mại lũy kế lên 19,4 tỷ USD.

Tăng trưởng nhập khẩu mạnh chủ yếu phản ánh nhu cầu đối với đầu vào sản xuất, hoạt động mua trước các linh kiện điện tử và giá trị nhập khẩu xăng dầu cao hơn, thay vì sự suy yếu của xuất khẩu.

FDI tiếp tục là một động lực tích cực, với vốn giải ngân trong tháng 9 đạt 3,8 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ, mức cao nhất theo tháng kể từ đầu năm, trong khi vốn giải ngân 9 tháng tăng 12,1% so với cùng kỳ, đạt 21,1 tỷ USD.

Trong thời gian tới, triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục tích cực, được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, hoạt động sản xuất chế biến, chế tạo khả quan, tiêu dùng trong nước duy trì khả năng chống chịu, giải ngân FDI ổn định và đầu tư công tăng tốc. Động lực xuất khẩu dự kiến tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng, mặc dù đơn hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp cho thấy nhu cầu bên ngoài suy yếu, trong khi nhập khẩu có thể tiếp tục tăng nhanh hơn xuất khẩu trong bối cảnh nhu cầu đầu vào sản xuất cao và giá dầu ở mức cao. Áp lực lạm phát cũng cần được theo dõi, đặc biệt trong bối cảnh giá năng lượng tăng. Tuy nhiên, đầu tư cơ sở hạ tầng tiếp tục được đẩy mạnh, lượng vốn FDI đăng ký ở mức cao và tiêu dùng hộ gia đình duy trì khả năng chống chịu sẽ tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng trong phần còn lại của năm 2026.

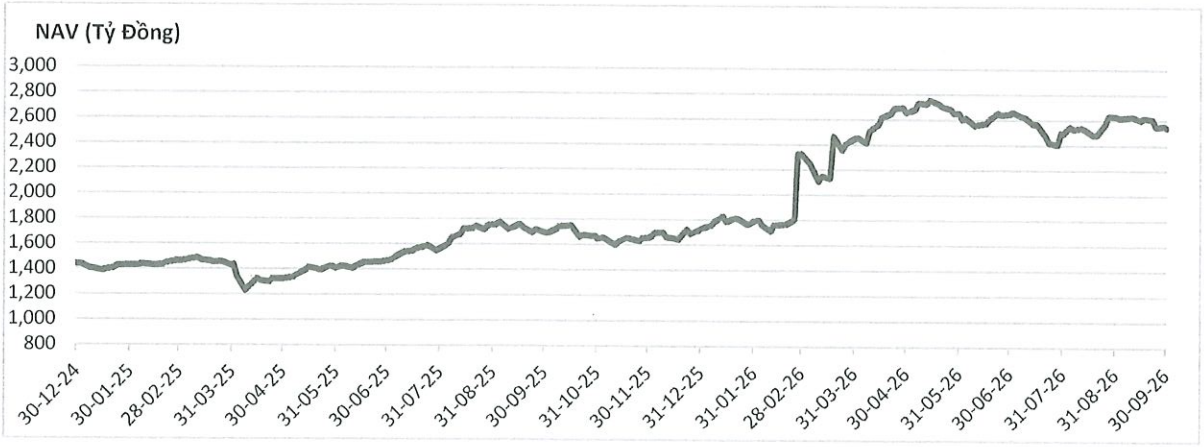
Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: GSO, FiinPro-X, Bloomberg và VBMA. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

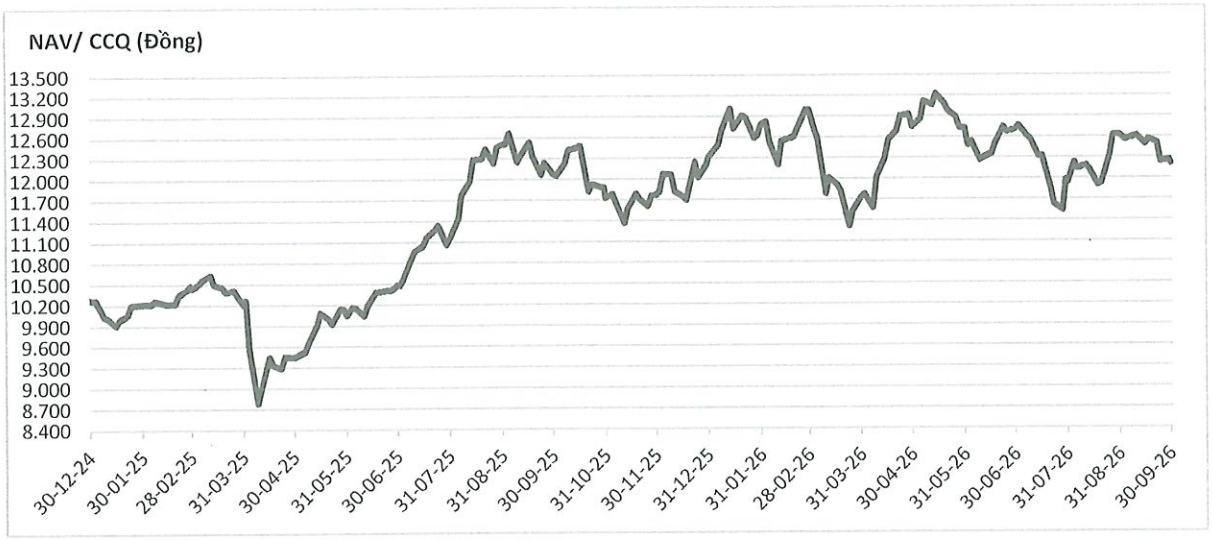
IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

So với thời điểm thành lập quỹ, Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng của quỹ trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 30/09/2026 đã tăng tương ứng 451,53% và 22,11%.

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:





- Thay đổi Giá trị Tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	2.544.436.685.257	1.696.920.866.865	49,94%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.211	12.080	1,08%

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo (EVESG)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5000	404	273,259.05	0.13%
Từ 5000 - 10.000	30	203,794.26	0.10%
Từ 10.000 đến 50.000	34	667,489.91	0.32%
Từ 50.000 đến 500.000	8	537,848.44	0.26%
Từ 500.000 trở lên	1	206,692,854.62	99.19%
Tổng cộng	**477**	**208,375,246.28**	**100.00%**

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Thị trường Cổ phiếu Việt Nam

Thị trường chứng khoán phục hồi mạnh nhờ chính sách hỗ trợ và tâm lý nhà đầu tư cải thiện

Chỉ số VN-Index giảm 3,5% so với tháng trước trong tháng 9, xuống còn 1.768,6 điểm, đưa mức giảm từ đầu năm đến nay lên 0,9%. Tâm lý thị trường vẫn suy yếu mặc dù các yếu tố nền tảng vĩ mô tích cực và FTSE Russell nâng hạng thị trường, do mặt bằng lãi suất và lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng, giá dầu duy trì ở mức cao, lãi suất trong nước cao, áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài gia tăng và sự điều chỉnh của các cổ phiếu liên quan đến Vingroup gây sức ép lên diễn biến thị trường. Thanh khoản cũng suy giảm, với giá trị giao dịch bình quân ngày trên ba sàn giảm 5,1% so với tháng trước, xuống còn 682,2 triệu USD, đánh dấu tháng giảm thứ tư liên tiếp và là mức thấp nhất kể từ tháng 2/2025. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục là yếu tố gây áp lực lên thị trường, với giá trị bán ròng đạt 179,1 triệu USD, kéo dài chuỗi bán ròng sang tháng thứ chín liên tiếp. VN-Index kết thúc tháng 9 với hệ số P/E dựa trên lợi nhuận 12 tháng gần nhất ở mức 13,5 lần.

Trong thời gian tới, thị trường tiếp tục được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc và việc FTSE Russell nâng hạng thị trường, trong khi nhịp điều chỉnh trong tháng 9 đã đưa VN-Index về mức định giá hấp dẫn. Tuy nhiên, bối cảnh trong ngắn hạn vẫn còn nhiều thách thức. Lãi suất trong nước duy trì ở mức cao đã góp phần khiến hoạt động giao dịch trầm lắng, trong khi nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng tháng thứ chín liên tiếp. Lãi suất và lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng cùng với giá dầu duy trì ở mức cao cũng tạo thêm áp lực. Nhìn chung, thanh khoản cải thiện và xu hướng bán ròng kéo dài của nhà đầu tư nước ngoài đảo chiều sẽ là những yếu tố quan trọng để tạo lập môi trường thị trường tích cực hơn, trong khi điều kiện hiện tại vẫn bị hạn chế bởi hoạt động giao dịch yếu và các áp lực từ bên ngoài.

Hiệu suất ngành

Diễn biến các nhóm ngành cho thấy sự phân hóa rõ nét so với mức giảm 3,5% trong tháng của VN-Index. Dầu khí (+10,4%) vượt trội so với thị trường 13,9 điểm phần trăm, chủ yếu nhờ BSR (+18%), trong khi Bảo hiểm (+8,9%) vượt trội 12,4 điểm phần trăm, chủ yếu được dẫn dắt bởi BVH (+16%). Công nghiệp (+0,3%) cũng vượt trội so với thị trường 3,8 điểm phần trăm. Ở chiều ngược lại, Dịch vụ tài chính (-11,4%) là nhóm ngành có diễn biến kém nhất và kém hơn VN-Index 7,9 điểm phần trăm, tiếp đến là Công nghệ (-5,4%), kém hơn 1,9 điểm phần trăm, và Bất động sản (-5,0%), kém hơn 1,5 điểm phần trăm.

Thị trường Trái phiếu Việt Nam

Trong tháng 9/2026, tổng giá trị gọi thầu trái phiếu Chính phủ (TPCP) đạt 110,5 nghìn tỷ đồng, với tỷ lệ trúng thầu 60,9%. Trong đó, kỳ hạn 10 năm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương đương 61,8% giá trị trúng thầu, đạt 41,57 nghìn tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu bình quân tăng lên 4,37%/năm, so với mức 4,32% trong tháng trước. Tính đến cuối tháng 9/2026, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 296,2 nghìn tỷ đồng thông qua phát hành TPCP, tương đương 59,2% kế hoạch năm 2026; riêng khối lượng phát hành trong quý III/2026 hoàn thành 94,7% kế hoạch quý.

Trong khi đó, giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) trong tháng 9/2026 đạt 47,1 nghìn tỷ đồng, giảm 27% so với tháng trước và giảm 7% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 428,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó phần lớn vẫn đến từ khối Ngân hàng (53%) và Bất động sản (40%). Trong tháng 9, các doanh nghiệp đã mua lại 17,9 nghìn tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 56% so với cùng kỳ năm.

Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: GSO, FiinPro-X, Bloomberg và VBMA. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về Nhân sự Điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ

Tại ngày 30/09/2026, danh sách Ban Đại diện Quỹ, Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ, và Nhân sự Điều hành Quỹ bao gồm:

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty quản lý Quỹ/Quỹ
Phạm Linh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Kinh tế Cử nhân Đại học Ngân hàng	2024
Tống Công Cường	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Luật học	2024
Đoàn Thuận Hải	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Đại học Ngoại Thương	2024
Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp. - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ	2025
Trần Thập Kiều Quân	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Đầu tư	- Cử nhân Kinh tế - Tài chính Ngân hàng. - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	2006
Lương Thu Hương	Quản lý Cấp cao Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu	- Cử nhân Tài chính Ngân hàng. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	2021

2. Thông tin khác

Các số liệu trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS

Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS
Date: 2026.10.20 17:30:44 +07'00'